

Số: 415A/QĐ-HVPNVN

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và ban hành Chương trình đào tạo
trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, Mã số: 8340101

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 100A/QĐ-HVPNVN ngày 28/02/2022 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Theo đề nghị của Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh của Học viện Phụ nữ Việt Nam (có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2. Phòng Đào tạo, Khoa Quản trị kinh doanh và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ khoá tuyển sinh năm học 2022-2023./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Website Học viện;
- Lưu VT, ĐT.



Trần Quang Tiến



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (MBA)
(*Ban hành theo Quyết định số 415A/QĐ-HVPNVN ngày 15 tháng 6 năm 2022
của Học viện Phụ nữ Việt Nam*)

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
 - + Tên tiếng Anh: Business Administration
 - + Mã ngành đào tạo: 8340101
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 02 năm; thời gian tối đa hoàn thành chương trình: 04 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Định hướng: Ứng dụng
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Phụ nữ Việt Nam

2. Triết lý và Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Triết lý giáo dục của Chương trình đào tạo

Đào tạo toàn diện, chuyên nghiệp và năng động là nền tảng triết lý giáo dục của chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

2.2. Mục tiêu chung

Đào tạo các nhà quản trị có bản lĩnh, có đạo đức, có các tiếp cận mới, đa dạng và chuyên sâu về quản trị kinh doanh hiện đại; cập nhật kiến thức mới, công cụ mới, xu hướng quản trị mới phù hợp trong môi trường hội nhập quốc tế đầy biến động; có kỹ năng thực hành ở mức độ thành thạo để tổ chức, điều hành và quản lý doanh nghiệp, tổ chức đạt hiệu quả cao. Đồng thời người học có khả năng khám phá kiến thức mới, năng động, sáng tạo; có thể trở thành các chuyên gia tư vấn, đào tạo về quản trị kinh doanh.

2.3. Mục tiêu cụ thể

- MT1: Làm chủ được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn sâu rộng, tiên tiến, có thể tổng hợp và vận dụng thành thạo các nguyên lý, học thuyết hiện đại;

- MT2: Tiếp cận được theo hướng chuyên sâu, nâng cao, cập nhật các kiến thức về lĩnh vực chuyên môn thuộc các chức năng trong quản trị kinh doanh và điều hành doanh nghiệp, tổ chức;

- MT3: Rèn luyện được kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý vấn đề một cách khoa học;

- MT4: Phát triển được kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với những người khác;

- MT5: Vận dụng được kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến; các vấn đề thách thức, quan trọng mà doanh nghiệp, tổ chức gặp phải trong quá trình quản trị và kinh doanh;

- MT6: Sử dụng thành thạo các kỹ năng nghiên cứu mang tính cập nhật; phát triển và sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong hoạt động quản trị kinh doanh;

- MT7: Tích hợp được kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành để có thể sử dụng thành thạo trong hoạt động quản trị kinh doanh.

- MT8: Chủ động thích nghi, sáng tạo và đổi mới, suy nghĩ đa chiều, tôn trọng sự khác biệt, có trách nhiệm trong công việc và với xã hội, có năng lực tự chủ trong nghiên cứu khám phá kiến thức mới và có ý chí học tập suốt đời.

3. Chuẩn đầu ra

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh có thể:

3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

- KT1: Giải thích mạch lạc phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu của quản trị kinh doanh và vận dụng thế giới quan, phương pháp tư duy logic để học tập, nghiên cứu suốt đời;

- KT2: Diễn giải rõ các lý thuyết kinh tế, quản trị hiện đại, các kiến thức nền tảng, chuyên sâu, nâng cao về kinh tế, quản trị kinh doanh, môi trường kinh doanh để ra các quyết định chức năng cho doanh nghiệp;

- KT3: Tổng hợp được một số kiến thức chuyên sâu, liên ngành trong nghiên cứu và thực hành quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa, gồm quản lý tổ chức, nhân sự, sản xuất, tài chính, marketing, lãnh đạo, kế hoạch và chiến lược kinh doanh để nhận diện các cơ hội kinh doanh, đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức, đưa ra các quyết định chiến lược cho doanh nghiệp.

3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

- KN1: Áp dụng được kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, nghiên cứu độc lập nhằm tư vấn, giải quyết các vấn đề thực tiễn trong doanh nghiệp, tổ chức;

- KN2: Ứng dụng thực tế được kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học, tiên tiến, nghiên cứu phát triển, đổi mới, sử dụng công nghệ phù hợp, tư duy sáng tạo nhằm nhận diện, đánh giá, giải quyết vấn đề và ra quyết định liên quan tới quản trị kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức;

- KN3: Thực hành được kỹ năng lãnh đạo, tổ chức và quản trị doanh nghiệp, đặc biệt trong môi trường đa văn hóa;

- KN4: Thực hành được các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thuyết phục, kết nối và bảo vệ quan điểm, luận điểm trong khoa học.

3.3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- TC1: Tự nghiên cứu, sáng tạo, đổi mới trong quản trị doanh nghiệp; có khả năng tự chủ, độc lập trong quá trình làm việc ở doanh nghiệp, tổ chức;

- TC2: Tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi, dẫn dắt, hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp;

- TC3: Có bản lĩnh vượt qua các khó khăn, thử thách, có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị doanh nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực; có trách nhiệm với cá nhân, tập thể cũng như ý thức phục vụ cộng đồng.

3.4. Chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ, tin học

- NN: Tiếng Anh đạt trình độ 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên).

3.5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh có thể trở thành nhà quản trị chuyên nghiệp làm việc tại các vị trí quản lý bộ phận chức năng (bán hàng, marketing, nhân sự, kế hoạch kinh doanh, tài chính,...), các vị trí quản lý về quản trị kinh doanh hoặc khởi sự kinh doanh tại doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tập đoàn đa quốc gia thuộc mọi lĩnh vực ngành nghề. Người học cũng có thể khởi nghiệp, tự thành lập mô hình kinh doanh hoặc trở thành chuyên gia tư vấn về quản trị điều hành doanh nghiệp hoặc nghiên cứu trong các viện nghiên cứu, giảng dạy trong các trường đại học đào tạo về quản trị kinh doanh.

Sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng tự học suốt đời và có thể học tập tiếp chương trình đào tạo tiến sĩ trong và ngoài nước.

4. Điều kiện tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 30/8/2021 (Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT) và Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Thạc sĩ của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành ngày 28/2/2022 (Quyết định số 100A/QĐ-HVPNVN).

4.1. Yêu cầu đối với người dự tuyển

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;

Ngành phù hợp là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm những ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Phụ nữ Việt Nam cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quyết định số 100A/QĐ-HV рnVN hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo quy định của chương trình đào tạo.

4.2. Phương thức tuyển sinh

Áp dụng theo quy định hiện hành về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

4.3. Danh mục các ngành và các học phần bổ sung kiến thức

4.3.1. Danh mục các ngành

a. Các ngành đúng, phù hợp:

- Ngành Quản trị kinh doanh

- Ngành Kinh doanh thương mại (Ngành có chương trình đào tạo đại học khác chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của Học viện Phụ nữ Việt Nam dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành).

b. Các ngành gần:

- Ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm

- Ngành Kế toán - Kiểm toán

- Ngành Quản trị - Quản lý

- Các ngành có chương trình đào tạo đại học khác chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của Học viện Phụ nữ Việt Nam từ 10-40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

c. Các ngành khác

Tất cả các ngành còn lại (trừ các ngành ở mục a và b của 3.3.1).

4.3.2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

- Người tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Quản trị kinh doanh phải học bổ sung kiến thức 04 học phần (12 tín chỉ), bao gồm:

- + Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)
- + Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)
- + Quản trị học (3 tín chỉ)
- + Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo (3 tín chỉ)

- Người tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Quản trị kinh doanh phải học bổ sung kiến thức 7 học phần (21 tín chỉ), bao gồm:

- + Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)
- + Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)
- + Quản trị học (3 tín chỉ)
- + Quản trị marketing (3 tín chỉ)
- + Quản trị tài chính doanh nghiệp (3 tín chỉ)
- + Quản trị nguồn nhân lực (3 tín chỉ)
- + Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo (3 tín chỉ)

Tùy vào các chuyên ngành cụ thể học ở bậc đại học mà học viên có thể được miễn, giảm các học phần chuyển đổi, nếu nội dung các học phần ở trên trùng ít nhất 2/3 nội dung các học phần có trong bảng điểm đại học.

4.4. Danh mục các môn thi tuyển đầu vào

- Môn cơ bản: Kinh tế học (kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô)
- Môn chuyên ngành: Quản trị học

4.5. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, cụ thể:

- Thí sinh thuộc diện xét tuyển, điểm trúng tuyển phải đạt từ 50 điểm trở lên (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có) của thang điểm theo kết quả đánh giá xét tuyển (thang điểm 100).

- Thí sinh thuộc diện thi tuyển, điểm trúng tuyển (tổng điểm môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành) phải đạt từ 100 điểm trở lên (chưa tính điểm ưu tiên), trong đó không có môn thi tuyển nào dưới 50 điểm. Điểm xếp từ cao xuống thấp gồm cả cộng điểm ưu tiên.

- Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo và kết quả đánh giá từng thí sinh, Hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

- Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

5. Cấu trúc và nội dung Chương trình đào tạo

5.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ: 60 (trong đó 41 tín chỉ học tập trên lớp, 6 tín chỉ thực tập và 7 tín chỉ đề án tốt nghiệp).

- Phân bổ theo các khối kiến thức:

	Số học phần	Số tín chỉ
Kiến thức chung	2	8
Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	13	39
- <i>Bắt buộc</i>	7	21
- <i>Tự chọn</i>	6	18
Thực tập	1	6
Đề án, đồ án hoặc dự án	1	7

- Tỷ lệ tín chỉ thực hành/tổng số tín chỉ: 48.3%

5.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận
I		Khối kiến thức chung	8	5	3
1	CHCT01	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4	3	1
2	CHKT01	Thiết kế nghiên cứu kinh doanh (<i>Design in business research</i>)	4	2	2
II		Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	39	26	13
II.1		Các học phần bắt buộc	21	14	7
3	CHTH01	Kinh doanh quốc tế (<i>International Business</i>)	3	2	1
4	CHTH02	Quản trị chiến lược nâng cao (<i>Advanced Strategic Management</i>)	3	2	1
5	CHTH04	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (<i>Advanced Human Resource Management</i>)	3	2	1
6	CHKT02	Tài chính công ty (<i>Corporate Finance</i>)	3	2	1
7	CHKT04	Quản trị hệ thống thông tin (<i>Management Information System</i>)	3	2	1
8	CHPR01	Quản trị Marketing nâng cao (<i>Advanced Marketing Management</i>)	3	2	1
9	CHPR02	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng (<i>Logistics and supply chain management</i>)	3	2	1
II.2		Các học phần tự chọn (Chọn 6 học phần đủ 18 tín chỉ)	18	12	6
10	CHLD02	Pháp luật kinh doanh và đầu tư (<i>Business and investment laws</i>)	3	2	1
11	CHPR08	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo (<i>Technology and Innovation Management</i>)	3	2	1
12	CHPR09	Quan hệ công chúng (<i>Public Relations</i>)	3	2	1
13	CHPR10	Phát triển năng lực lãnh đạo doanh nghiệp (<i>Leadership Development</i>)	3	2	1
14	CHPR11	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (<i>Corporate social responsibility and business ethics</i>)	3	2	1
15	CHPR12	Ra quyết định quản trị (<i>Management Decision Making</i>)	3	2	1

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận
16	CHPR13	Kinh doanh số (<i>Digital Business</i>)	3	2	1
17	CHKT03	Quản trị rủi ro (<i>Risk Management</i>)	3	2	1
18	CHKT08	Quản trị chi phí kinh doanh (<i>Cost Management</i>)	3	2	1
19	CHKT09	Quản trị dự án đầu tư nâng cao (<i>Advanced Investment Project Management</i>)	3	2	1
20	CHKT10	Phân tích định lượng và Thống kê trong kinh doanh (<i>Quantitative analysis and statistics in business</i>)	3	2	1
21	CHTH03	Quản trị chất lượng nâng cao (<i>Advanced Quality Management</i>)	3	2	1
22	CHTH08	Hành vi tổ chức (<i>Behaviour Organization</i>)	3	2	1
23	CHTH11	Các báo cáo thực tế của chuyên gia và doanh nhân (<i>3-5 báo cáo theo chủ đề được học viên đề xuất</i>)	3	0	3
III	Thực tập và đề án (đề án, đồ án, dự án) tốt nghiệp		13	0	13
24	CHTH09	Thực tập (<i>Internships</i>)	6	0	6
25	CHTH10	Đề án tốt nghiệp (<i>Research project</i>)	7	0	7
Tổng cộng			60	31	29

5.3. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Môn học	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Số TC
1	CHCT01	Triết học	X				4
2	CHKT02	Tài chính công ty	X				3
3	CHTH02	Quản trị chiến lược nâng cao	X				3
4	CHTH04	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	X				3
5	CHKT04	Quản trị hệ thống thông tin	X				3
6	CHPR01	Quản trị marketing nâng cao		X			3
7	CHPR02	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng		X			3
8	CHTH01	Kinh doanh quốc tế		X			3
9	CHKT01	Thiết kế nghiên cứu kinh doanh		X			4
10		Tự chọn 1 (3TC)			X		3

TT	Mã học phần	Môn học	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Số TC
11		Tự chọn 2 (3TC)			X		3
12		Tự chọn 3 (3TC)			X		3
13		Tự chọn 4 (3TC)			X		3
14		Tự chọn 5 (3TC)			X		3
15		Tự chọn 6 (3TC)			X		3
16	CHTH09	Thực tập				X	6
17	CHTH10	Đề án tốt nghiệp				X	6
Tổng số tín chỉ			16	13	18	13	60

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 30/8/2021 (Thông tư số 23/2021/TT-BGDDĐT) và của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành ngày 28/2/2022 (Quyết định số 100A/QĐ-HVPNVN)

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được tổ chức triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Học viện Phụ nữ Việt Nam về tổ chức đào tạo và khảo thí (khối lượng học tập trực tuyến không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp). Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Học viện Phụ nữ Việt Nam thực hiện đào tạo trực tuyến các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi bảo đảm sự tin cậy, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần, trừ học phần tốt nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên hoàn thành chương trình đào tạo và đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

7. Phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập

7.1. Phương pháp, công nghệ dạy học

Chương trình sử dụng phương pháp tác động đa chiều, lấy người học làm trung tâm, tạo lập môi trường học tập cởi mở, thân thiện, giúp học viên thu nhận kiến thức đa chiều nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập của học viên trong điều

kiện học tập tốt: trang thiết bị trong phòng học hiện đại, phòng máy tính,...; đồng thời sử dụng những phương pháp giảng dạy tích cực, hiện đại, có tính thực hành cao, phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ nhằm giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo như thảo luận bài tập tình huống, case study, sơ đồ tư duy, học tập dựa trên dự án, thực tập, thực hiện đề án tốt nghiệp, trao đổi với các doanh nhân thành đạt và các chuyên gia,...

- Học viên học tập chủ động, tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự đọc tài liệu, phản biện, làm việc nhóm,...

- Học viên rèn luyện kỹ năng thực hành và thái độ thực tiễn trong nghề nghiệp; tổng hợp kiến thức liên ngành và có tính ứng dụng cao để nhận diện các cơ hội kinh doanh, đánh giá kết quả hoạt động doanh nghiệp, thực hiện các quyết định chiến lược cho doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh đầy biến động và xu thế toàn cầu hóa, dẫn dắt tổ chức đổi mới sáng tạo và thích ứng.

7.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Đánh giá theo thang điểm 10, quy đổi A, B, C, D, F theo quy định đào tạo do Học viện Phụ nữ Việt Nam xây dựng dựa trên Quy chế số 08/2021/TT-BGDDT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và quy định của Học viện.

8. Mô tả tóm tắt các học phần

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
1	Triết học	Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó Chương 1: Khái luận về triết học, giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương tiếp theo khái quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương còn lại bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, Chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).

2	Thiết kế nghiên cứu kinh doanh	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học để có thể thiết kế được một nghiên cứu cho việc ra một quyết định kinh doanh và nghiên cứu cho đề án tốt nghiệp. Đồng thời, học viên sẽ đạt được năng lực phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS cho các dự án nghiên cứu trong kinh doanh với khả năng đánh giá độ tin cậy và kiểm định giá trị thang đo các khái niệm trong mô hình nghiên cứu, kiểm định các giả thuyết và mô hình nghiên cứu, bao gồm các mô hình hồi quy đơn, hồi quy bội với biến định lượng, định tính và hồi quy đa biến.
3	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế là một trong những học phần chủ yếu của chuyên ngành Quản trị kinh doanh ở bậc học sau đại học. Để có được những quyết định đúng đắn trong kinh doanh hay đầu tư thì cần có những hiểu biết cơ bản về nền kinh tế thế giới. Vì phạm vi kinh doanh ngày nay không chỉ đơn thuần được thực hiện trong biên giới của một quốc gia, hay môi trường kinh doanh của một quốc gia. Đó là một thị trường toàn cầu xuyên suốt nhiều thị trường của nhiều quốc gia, để thành công trong nền kinh tế toàn cầu đó, các nhà kinh doanh không thể không hiểu biết về kinh doanh quốc tế. Kinh doanh quốc tế là học phần nghiên cứu quá trình tổ chức và thực hiện các hoạt động giao dịch, kinh doanh được tiến hành giữa các doanh nghiệp của các quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu.
4	Quản trị chiến lược nâng cao	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản và nâng cao của quản trị chiến lược như bản chất chiến lược quản trị và quản trị chiến lược, mô hình quản trị chiến lược của doanh nghiệp, các nguyên lý cơ bản của quản trị chiến lược, các kỹ thuật phân tích, xây dựng, lựa chọn, triển khai và kiểm soát chiến lược phù hợp với mục tiêu phát triển và môi trường kinh doanh luôn biến động của doanh nghiệp. Học phần giúp học viên nâng cao nhận thức và tư duy chiến lược để xây dựng và phát triển phẩm chất của những nhà quản trị trong nền kinh tế toàn cầu.

5	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Quản trị nhân lực là một lĩnh vực phức tạp và khó khăn vì nó bao gồm nhiều vấn đề như tâm lý, sinh lý, xã hội, triết học, đạo đức. Nó là một khoa học nhưng đồng thời lại là một nghệ thuật - nghệ thuật quản trị con người. Quản trị nguồn nhân lực là phần không thể thiếu trong tổ chức. Quản trị nguồn nhân lực là học phần kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân lực; cơ sở luật pháp về nhân lực, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.
6	Tài chính công ty	Tài chính công ty là học phần trung tâm trong hệ thống các học phần chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Các học viên sẽ nghiên cứu những chủ đề trung tâm của Tài chính doanh nghiệp là chính sách cổ tức, cấu trúc vốn và giá trị doanh nghiệp, thị trường hiệu quả, tài chính hành vi và các chứng khoán phái sinh.
7	Quản trị hệ thống thông tin	Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong quản lý và kinh doanh để xây dựng, phát triển, quản lý, ứng dụng hệ thống thông tin quản lý, khai thác một cách có hiệu quả hệ thống thông tin trong các tổ chức để nâng cao hiệu quả quản lý, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao hơn, giảm chi phí vận hành, tăng doanh số, mở rộng thị trường,... cho các doanh nghiệp nói riêng và các tổ chức nói chung, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng hội nhập kinh tế quốc tế.
8	Quản trị Marketing nâng cao	Học phần được tạo lập từ những kiến thức chuyên sâu về quản trị marketing bao gồm: nghiên cứu môi trường, khách hàng và phân tích cạnh tranh; xây dựng chiến lược và kế hoạch marketing; phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường; xây dựng chiến lược marketing - mix; tổ chức thực hiện, kiểm soát hoạt động marketing

9	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản đến chuyên sâu về quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp và các kỹ thuật quản trị hậu cần cũng như xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng. Học viên có khả năng nắm được những hoạt động hậu cần bên trong doanh nghiệp. Hiểu được cách doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược hậu cần nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.
10	Pháp luật kinh doanh và đầu tư	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức pháp lý cơ bản điều chỉnh hoạt động đầu tư và kinh doanh, bao gồm: khái niệm và đặc điểm của hoạt động kinh doanh và đầu tư, các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh và đầu tư (các loại hình tổ chức kinh doanh, hình thức đầu tư, các biện pháp bảo đảm, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư, quản lý nhà nước về đầu tư, hợp đồng thương mại,...) và các phương thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh và đầu tư.
11	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo	Học phần này trang bị các kiến thức thực tế, ứng dụng các khái niệm về quản trị công nghệ và đổi mới để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đổi với nhiều công ty, để đạt được và duy trì lợi thế cạnh tranh họ phải liên tục đổi mới, đổi mới không chỉ giới hạn trong các lĩnh vực công nghệ cao. Hơn nữa, với bất kỳ mô hình đổi mới nào muốn tìm cách hiểu được hiện tượng này đều phải là một mô hình kết hợp đa lĩnh vực. Đổi mới cần phải xử lý các tri thức mới - thu thập thông tin sau đó chuyển thông tin đó thành các sản phẩm hoặc dịch vụ mới.

12	Quan hệ công chúng	<p>Quan hệ công chúng (PR) là một học phần độc lập thuộc khoa học kinh tế, là một bộ phận kiến thức chuyên sâu của marketing, nằm trong xu hướng thương mại - một P quan trọng của marketing - mix. Học phần này giới thiệu các hoạt động quan hệ công chúng mà một doanh nghiệp cần phải triển khai, bao gồm: PR trong doanh nghiệp; Hoạch định chiến lược PR của doanh nghiệp; Quản trị khủng hoảng; Hoạt động PR thực tiễn. Từ việc nắm rõ PR trong doanh nghiệp, quy trình lập kế hoạch và triển khai từng hoạt động, người học rèn luyện được những kỹ năng cần thiết để có thể thực hiện tốt được hoạt động PR cho doanh nghiệp; đồng thời xử lý được khủng hoảng và thiết lập được các mối quan hệ hợp tác để xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp. Đây là một trong những công cụ hữu hiệu giúp doanh nghiệp xây dựng và gia tăng tầm ảnh hưởng của mình đối với khách hàng và công chúng mục tiêu.</p>
13	Phát triển năng lực lãnh đạo doanh nghiệp	<p>Học phần giúp học viên nắm vững những khái niệm về lãnh đạo và phát triển những hiểu biết và kỹ năng về lãnh đạo cho bản thân mình, nhận ra các bối cảnh lãnh đạo khác nhau với các quan niệm, mô hình và lý thuyết phù hợp nhằm làm cho công tác lãnh đạo trong doanh nghiệp hiệu quả. Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản về phẩm chất, kỹ năng, bản chất và vai trò của nhà lãnh đạo, các phong cách lãnh đạo hiệu quả, quyền lực và sự ảnh hưởng cũng như các tình huống lãnh đạo thực tế được thảo luận để trao đổi và phát triển kỹ năng lãnh đạo doanh nghiệp.</p>
14	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	<p>Học phần này cung cấp kiến thức về đạo đức kinh doanh (chuẩn mực đạo đức kinh doanh, xây dựng đạo đức kinh doanh) và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (cách hiểu khác nhau về trách nhiệm xã hội, các chiến lược và vấn đề quản lý trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, mối quan hệ giữa các hoạt động kinh tế với xã hội, đồng thời cũng gợi mở những góc độ tư duy hữu ích cho học viên trong công tác thực tiễn.</p>
15	Ra quyết định quản trị	<p>Học phần này trang bị kiến thức chuyên sâu giúp học viên nắm chắc được đối tượng, phạm vi và đặc điểm liên quan đến việc ra quyết định quản trị. Học viên được thực hành vận dụng tư tưởng quản trị mới có sự kết hợp hài hòa giữa quản trị truyền thống với quản trị hiện đại. Đồng thời có hướng tiếp cận thực tiễn với quản trị tại Việt Nam vào việc</p>

		ra quyết định đúng đắn và hiệu quả. Từ đó, những quyết định đúng đắn góp phần quan trọng giúp doanh nghiệp cạnh tranh và phát triển bền vững trong bối cảnh thay đổi liên tục của đời sống doanh nghiệp.
16	Kinh doanh số	Học phần cung cấp các kiến thức về bối cảnh chuyển đổi số, các phương pháp và nguyên tắc để biến kỹ thuật số thành chiến lược cốt lõi bao trùm mọi hoạt động và bước đi trong doanh nghiệp. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện các kỹ năng để phát triển một chiến lược chuyển đổi số cho một tổ chức. Học phần giúp cho học viên hiểu được cơ hội và thách thức của chuyển đổi số, hiểu được các nguyên tắc và phương pháp để có thể đưa ra quyết định sáng suốt và định hình chuyển đổi số trong doanh nghiệp của họ thông qua việc cân bằng lý thuyết và thực hành trong chương trình giảng dạy.
17	Quản trị rủi ro	Học phần thuộc khối kiến thức ngành của các chuyên ngành thuộc ngành quản trị kinh doanh trong chương trình đào tạo đại học. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro; Phân tích sâu các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận dạng, phân tích rủi ro; Kiểm soát và tài trợ rủi ro; Vận dụng quản trị rủi ro trong quản trị rủi ro nhân lực, quản trị rủi ro tài sản của doanh nghiệp.
18	Quản trị chi phí kinh doanh	Quản trị chi phí kinh doanh bao gồm các công việc của kế toán chi phí, của quản trị tài chính, đồng thời thông qua phân tích các thông tin này để tìm kiếm cơ hội kinh doanh, hình thành các quyết định đúng đắn, xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh thích hợp. Thông qua nội dung của học phần, học viên sẽ biết được những việc phải làm của nhà quản trị chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp, các phương pháp tính toán và đánh giá chi phí kinh doanh, từ đó ra quyết định cho phù hợp, không bỏ lỡ cơ hội và đạt được mục tiêu trong chiến lược sản xuất kinh doanh, trước mắt cũng như lâu dài.
19	Quản trị dự án đầu tư nâng cao	Quản lý dự án là một công cụ của doanh nghiệp trong thế kỷ 21 khi mà môi trường kinh doanh được đặc trưng bởi sự thay đổi và thay đổi tính chất của các dự án. Trong mỗi ngành công nghiệp và mỗi chuyên ngành, các tổ chức nhận thức rằng họ đang dốc nhiều thời gian cũng như nguồn lực vào các dự án, tạo ra ngày càng nhiều tổ chức hoạt động theo dự án. Học phần này cung cấp các phương pháp và

		cấu trúc cần thiết để vận hành một tổ chức thành công trên nhiều dự án khác nhau. Học phần này định hướng giúp cho con đường thực hiện của các nhà quản lý dự án trở nên đúng đắn hơn, dễ dàng hơn, và trên hết để cải thiện chất lượng làm việc trong cuộc sống của tất cả mọi người đang làm việc trong môi trường dự án.
20	Phân tích định lượng và Thống kê trong kinh doanh	Học phần sẽ cung cấp cho học viên cao học ngành quản trị kinh doanh các nội dung cơ bản của quy trình nghiên cứu khoa học trong kinh doanh thông qua vận dụng một số phương pháp nghiên cứu: phân tích tài liệu, phân tích thống kê mô tả, phân tích thống kê suy diễn, phân tích hồi quan và tương quan, ... Từ đó, học viên sẽ có những căn cứ khoa học để đánh giá, phân tích và ra quyết định hợp lý về các vấn đề nghiên cứu trong kinh doanh.
21	Quản trị chất lượng nâng cao	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về chất lượng và quản lý chất lượng bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Các quan điểm về chất lượng, mô hình chi phí chất lượng, nội dung của quản lý chất lượng toàn diện, trình bày các kỹ thuật kiểm soát quá trình bằng thống kê, đánh giá chất lượng, các nguyên lý cơ bản của một hệ thống quản lý chất lượng và một số tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng phổ biến hiện nay.
22	Hành vi tổ chức	Hành vi tổ chức là khoa học nghiên cứu và ứng dụng những kiến thức về cách mỗi cá nhân hay đội nhóm cư xử trong một tổ chức. Môn khoa học này tiến hành phân tích mối quan hệ giữa một hoặc nhiều người với cá nhân, đội nhóm, toàn bộ tổ chức cũng như hệ thống xã hội. Mục đích của “hành vi tổ chức” là hình thành và phát triển các mối quan hệ tốt đẹp hơn để đạt hiệu quả công việc ở mức cao nhất bằng việc đạt được mục tiêu của cá nhân, đội nhóm, tổ chức và xã hội. Môn học này có mối liên kết với các môn học như tâm lý học đại cương, quản trị nguồn nhân lực, khởi sự kinh doanh, quan hệ lao động, kỹ năng lãnh
		học là một trong những môn chuyên sâu của ngành quản trị nhân lực. Đây là một trong những công cụ hữu ích giúp doanh nghiệp xây dựng sự gắn kết và gia tăng tầm ảnh hưởng của mình đối với người lao động trong tổ chức và thu hút, giữ chân nhân tài.
23	Các báo cáo thực tế của chuyên gia và doanh nhân	Các chuyên gia, doanh nhân báo cáo nội dung thực tiễn, cập nhật, chia sẻ kinh nghiệm, giúp học viên giải quyết một số nội dung/vấn đề quản trị kinh doanh cụ thể.

24	Thực tập	Học viên thực tập thực tế tại doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức. Tìm hiểu khái quát thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản trị của đơn vị thực tập. Từ đó phát hiện các vấn đề tồn tại trong hoạt động kinh doanh và quản trị của đơn vị để đề xuất hướng đề án, dự án tốt nghiệp phù hợp với chương trình đào tạo.
25	Đề án tốt nghiệp	Học phần này nhằm mục đích vừa là điều kiện tốt nghiệp vừa là một tiêu chí đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu của học viên thông qua việc cho điểm hay các mức độ như đạt, khá, giỏi, xuất sắc. Đề án tốt nghiệp là một công trình khoa học, thể hiện kiến thức tổng hợp mà học viên lĩnh hội, tiếp thu trong quá trình học tập và nghiên cứu tại doanh nghiệp, tổ chức. Báo cáo đề án là một bản thuyết minh quá trình xây dựng triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn, thể hiện năng lực ứng dụng khoa học và công nghệ giải quyết vấn đề của học viên; phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa đạo đức thuần phong mỹ tục của người Việt Nam; tuân thủ quy định của Học viện về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.



PGS. TS. Trần Quang Tiến

